



fēng chē

风车

noun · windmill; pinwheel

Example Sentences

Xiǎo hái zài gōng yuán lǐ wán fēng chē
小孩在公园里玩风车。

The child is playing with a pinwheel in the park.

Hé lán yǒu hěn duō gǔ lǎo de fēng chē
荷兰有很多古老的风车。

There are many old windmills in the Netherlands.

Fēng chē zài wēi fēng zhōng màn màn zhuàn dòng kàn qǐ lái hěn měi
风车在微风中慢慢转动，看起来很美。

The windmill turns slowly in the breeze and looks beautiful.

Trace each character, then write the word on your own.

风 风 风 风 风 风 风

车 车 车 车 车 车 车